

Bản án số: 06/2025/KDTM-PT
Ngày: 21/4/2025
V/v tranh chấp hợp đồng
cho thuê tài chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Xô

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường

Ông Phạm Thái Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Trúc Giang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Mai Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 02 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*”, do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên C (gọi tắt là Sacombank-SBL).

Trụ sở: Tầng 1, 2 Tòa nhà số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí T – Chức vụ: Tổng Giám đốc. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Tấn P. Theo giấy ủy quyền ngày 10/10/2024 (có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH Đ (gọi tắt là Công ty Đ).

Trụ sở: 175 đường A phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thanh S – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên C (gọi tắt là Sacombank-SBL).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lưu Tấn P, trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên C và Công ty TNHH Đ có ký 04 Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202110005 ký ngày 06/10/2021; Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202112028 ký ngày 17/12/2021; Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202207003 ký ngày 06/07/2022; Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202207004 ký ngày 06/07/2022 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng), với nội dung cụ thể như sau:

Công ty TNHH Một thành viên C cho Công ty TNHH Đ thuê 04 xe ô tô tải tự đổ và 01 xe ô tô đầu kéo, 01 sơ mi rơ moóc tải (sau đây gọi tắt là tài sản thuê) và thanh toán nợ gốc và nợ lãi hàng tháng theo thông báo lịch thanh toán S1 - SBL gửi đến Công ty Đ từng thời kỳ (hồ sơ đính kèm).

Thực hiện theo Hợp đồng, S1 - SBL đã bàn giao tài sản thuê cho Công ty Đ sử dụng theo đúng thỏa thuận. Danh mục tài sản thuê mang biển kiểm soát lần lượt như sau: 86H-007.57, 86H-007.69, 86H-011.78, 86H-011.99, 86H-013.67, 86R- 012.13.

Hiện nay, Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê cho S1 - SBL.

S1 - SBL đã nhiều lần yêu cầu Công ty Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê và lãi chậm thanh toán của các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên nhưng Công ty Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Dẫn đến, S1 - SBL tiến hành các biện pháp thu hồi tài sản để xử lý nợ như sau:

Ngày 07/04/2023, S1 - SBL gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn đến Công ty Đ.

Ngày 11/04/2023, S1 - SBL gửi thông báo yêu cầu thu hồi tài sản cho thuê đến Công ty Đ tuy nhiên Công ty Đ không bàn giao tài sản thuê cho Sacombank-SBL.

Sau đó S1 - SBL đã nhiều lần cử đại diện đến trực tiếp Công ty Đ để đôn đốc thu hồi nợ và gửi thư mời họp giải quyết nợ quá hạn tuy nhiên Công ty Đ không hợp tác và không thanh toán khoản nợ quá hạn cho S1 - SBL.

Do Bên thuê (Công ty Đ) vi phạm Hợp đồng - vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, cho nên S1 - SBL khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Về tài sản thuê: Yêu cầu Công ty Đ phải bàn giao toàn bộ tài sản thuê là 04 xe ô tô tải tự đổ và 01 xe ô tô đầu kéo, 01 sơ mi rơ moóc tải. Danh mục tài sản thuê mang biển kiểm soát như sau: 86H-007.57, 86H-007.69, 86H-011.78, 86H-011.99, 86H-013.67, 86R- 012.13 cho S1 - SBL để S1 - SBL tiến hành thanh lý tài sản thuê để thanh toán các khoản nợ tiền thuê mà Công ty Đ

đang nợ S1 - SBL. Các khoản nợ tiền thuê đối với từng Hợp đồng cụ thể như sau.

a. Đối với Hợp đồng số SBL010202112028 ký ngày 17/12/2021 tài sản thuê là 02 xe ô tô tải mang biển số (86H-011.99 và 86H-011.78):

Nợ gốc tiền thuê: 2.022.400.400 đồng; Lãi cho thuê tài chính tạm tính đến ngày 20/07/2023: 105.474.000 đồng; Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 20/07/2023: 14.869.900 đồng; Giá trị mua lại: 16.000.000 đồng. Tổng cộng: 2.158.744.300 đồng.

b. Đối với Hợp đồng số SBL010202207003 ký ngày 06/07/2022 tài sản thuê là 01 xe ô tô tải mang biển số (86H-013.67):

Nợ gốc tiền thuê: 832.000.000 đồng; Lãi cho thuê tài chính tạm tính đến ngày 20/07/2023: 36.733.500 đồng; Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 20/07/2023: 5.010.800 đồng; Giá trị mua lại: 6.000.000 đồng. Tổng cộng: 879.744.300 đồng.

c. Đối với Hợp đồng số SBL010202110005 ký ngày 06/10/2021 tài sản thuê là 02 xe ô tô tải mang biển số (86H-007.69 và 86H-007.57):

Nợ gốc tiền thuê: 1.853.867.200 đồng; Lãi cho thuê tài chính tạm tính đến ngày 20/07/2023: 92.342.200 đồng; Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 20/07/2023: 16.781.500 đồng; Giá trị mua lại: 16.000.000 đồng; Ký cược còn lại: 24.100 đồng. Tổng cộng: 1.978.966.800 đồng.

d. Đối với Hợp đồng số SBL010202207004 ký ngày 06/07/2022 tài sản thuê là 01 Sơ mi Rơ moóc mang biển số (86R-012.13):

Nợ gốc tiền thuê: 433.333.600 đồng; Lãi cho thuê tài chính tạm tính đến ngày 20/07/2023: 18.940.500 đồng; Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 20/07/2023: 3.470.300 đồng; Giá trị mua lại: 3.200.000 đồng; Ký cược còn lại: 1.900 đồng. Tổng cộng: 458.942.500 đồng.

Tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/07/2023 từ 04 Hợp đồng cho thuê tài chính nói trên là: Nợ gốc tiền thuê tài chính: 5.141.601.200 đồng; L cho thuê tài chính và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 20/07/2023: 293.622.700 đồng; L cho thuê tài chính: 253.490.200 đồng; Lãi quá hạn: 40.132.500 đồng; Giá trị mua lại tài sản: 41.200.000 đồng; Cán trừ các khoản ký cược còn lại: 26.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty Đ cần phải thanh toán cho S1 - SBL tạm tính đến ngày 20/07/2023 từ 04 Hợp đồng cho thuê tài chính nói trên là: 5.476.397.900 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi bảy ngàn, chín trăm đồng).

Trong trường hợp sau khi Công ty Đ bàn giao tài sản thuê cho Công ty S1 - SBL bán thanh lý nhưng không đủ để thanh toán số nợ nêu trên, Công ty Đ phải tiếp tục thanh toán đủ các khoản nợ phát sinh cho đến khi thi hành xong bản án.

Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn trả Công ty Đ phải bàn giao toàn bộ tài sản thuê là 04 xe ô tô tải tự đổ và 01 xe ô tô đầu kéo, 01 sơ mi rơ moóc tải; Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền gốc, lãi mà bị đơn chưa thanh toán tạm tính đến ngày 23/9/2024 theo 04 Hợp đồng cho thuê tài chính mà

hai bên đã ký kết với tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2024 là 6.561.590.700 đồng (Trong đó nợ gốc: 5.141.601.200 đồng; Tiền lãi trong hạn: 795.460.700 đồng; tiền lãi quá hạn: 429.106.800 đồng; giá trị mua lại: 41.200.000 đồng; phí thanh lý trước hạn: 154.248.000 đồng và ký cược còn lại: 26.000 đồng).

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Công ty TNHH Đ đều vắng mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến cũng như hòa giải được.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng bị đơn Công ty TNHH Đ không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa bị đơn Công ty TNHH Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 06/2024/KDTM-ST, ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố P đã quyết định:

1. Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 116, Điều 117, Điều 428, Điều 472, Điều 473, Điều 474, Điều 481 và Điều 482 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

2. Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản gồm 04 xe ô tô tải tự đổ và 01 xe ô tô đầu kéo, 01 sơ mi rơ moóc tải (Danh mục tài sản thuê mang biển kiểm soát lần lượt như sau: 86H-007.57, 86H-007.69, 86H-011.78, 86H-011.99, 86H-013.67, 86R- 012.13) do nguyên đơn rút yêu cầu.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV C:

Buộc bị đơn Công ty TNHH Đ phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV C tổng số tiền theo 04 Hợp đồng cho thuê tài chính là: 6.561.590.700 đồng (*sáu tỷ năm trăm sáu mươi một triệu năm trăm chín mươi nghìn bảy trăm đồng*), (Trong đó nợ gốc: 5.141.601.200 đồng; Tiền lãi trong hạn: 795.460.700 đồng; tiền lãi quá hạn: 429.106.800 đồng; giá trị mua lại: 41.200.000 đồng; phí thanh lý trước hạn: 154.248.000 đồng và ký cược còn lại: 26.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24/9/2024) Công ty TNHH Đ còn phải trả số tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202110005 ký ngày 06/10/2021, Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202112028 ký ngày 17/12/2021; Hợp đồng cho thuê tài chính số

SBL010202207003 ký ngày 06/07/2022; Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202207004 ký ngày 06/07/2022 đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí: Công ty TNHH Đ phải nộp 114.561.591 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV C không phải nộp tiền án phí sơ thẩm. Ngày 04/10/2023, nguyên đơn Công ty TNHH MTV C đã nộp 56.738.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018842 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết được trả lại cho nguyên đơn.

Quyền kháng cáo bản án của các đương sự là 15 ngày, đối với nguyên đơn tính từ ngày tuyên án (26/9/2024); bị tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai tại UBND địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2024, Nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên C (gọi tắt là Sacombank-SBL) kháng cáo Bản án sơ thẩm về Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản gồm: 04 xe ô tô tải tự đổ và 01 xe ô tô đầu kéo, 01 sơ mi rơ moóc tải (Danh mục tài sản thuê mang biển kiểm soát lần lượt như sau: 86H-007.57, 86H-007.69, 86H-011.78, 86H-011.99, 86H-013.67, 86R- 012.13). Các nội dung tuyên xử còn lại của bản án sơ thẩm vẫn giữ nguyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Bị đơn vắng mặt.
- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết và nguyên đơn chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên C (gọi tắt là Sacombank-SBL) kháng cáo Bản án sơ thẩm về Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản gồm: 04 xe ô tô tải tự đổ và 01 xe ô tô đầu kéo, 01 sơ mi rơ moóc tải (Danh mục tài sản thuê mang biển kiểm soát lần lượt như sau: 86H-007.57, 86H-007.69, 86H-011.78, 86H-011.99, 86H-013.67, 86R- 012.13).

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và biên bản phiên tòa sơ thẩm, tại (BL 272) thể hiện: “*Tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi ông Lưu Tấn P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn hỏi lại ý kiến cấp trên, thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn Công ty Đ phải bàn giao toàn bộ tài sản thuê là 04 xe ô tô tải tự đổ và 01 xe ô tô đầu kéo, 01 sơ mi rơ moóc tải*”. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền gốc, lãi mà bị đơn chưa thanh toán tạm tính đến ngày 23/9/2024 theo 04 Hợp đồng cho thuê tài chính mà hai bên đã ký kết, “Việc xin rút một phần là tự nguyện”.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm, xét theo yêu cầu của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn Công ty Đ phải bàn giao toàn bộ tài sản thuê là “04 xe ô tô tải tự đổ và 01 xe ô tô đầu kéo, 01 sơ mi rơ moóc tải” là hoàn toàn tự nguyện, quyền của nguyên đơn, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa án cấp phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn Công ty Đ phải bàn giao toàn bộ tài sản thuê là “04 xe ô tô tải tự đổ và 01 xe ô tô đầu kéo, 01 sơ mi rơ moóc tải”. Tòa cấp sơ thẩm đã đình chỉ là đúng, nhưng do rút một phần yêu cầu làm bất lợi cho nguyên đơn, nên nguyên đơn kháng cáo, ngoài các chứng cứ và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc kháng cáo của mình.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm y án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Những quyết định khác của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên C. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 116, Điều 117, Điều 428, Điều 472, Điều 473, Điều 474, Điều 481 và Điều 482 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản gồm 04 xe ô tô tải tự đổ và 01 xe ô tô đầu kéo, 01 sơ mi rơ moóc tải (Danh mục tài sản thuê mang biển kiểm soát lần lượt như sau: 86H-007.57, 86H-007.69, 86H-011.78, 86H-011.99, 86H-013.67, 86R- 012.13).

2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Buộc Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng C phải chịu 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng khấu trừ 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0002554 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết; Công ty TNHH Một thành viên C đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/4/2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thành phố Phan Thiết;
- Chi cục THADS thành phố Phan Thiết;
- Những người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Công thông tin điện tử TABT;
- Tổ HCTP –TABT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Xô